

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2019/DS-ST**

Ngày: 01-11-2019

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vũ

Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Trường T, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số 178/2 ấp 10, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Khắc C**, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, các biên bản hòa giải và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trương Văn T là anh Lê Trường T trình bày:

Từ ngày 02/02/2017 đến ngày 22/3/2019 anh Trương Văn T có cho chị Bùi Khắc C vay với số tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa

thuận không tính lãi, mục đích vay là để chị C trả nợ ngân hàng. Anh T cho chị C vay tổng cộng 06 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Cho vay vào ngày 02/02/2017 với số tiền 10.000.000(Mười triệu) đồng, khi vay chị C có viết và ký tên vào biên nhận, thời hạn trả là đến ngày 02/3/2017.

- Lần thứ 2: Cho vay vào ngày 01/8/2017 với số tiền 40.000.000(Bốn mươi triệu) đồng, khi vay chị C có viết và ký tên vào biên nhận, thời hạn trả là đến ngày 06/9/2017.

- Lần thứ 3: Cho chị C vay vào ngày 09/3/2018 với số tiền 40.000.000(Bốn mươi triệu) đồng; Lần thứ 4: Vay vào ngày 22/3/2018 với số tiền 40.000.000(Bốn mươi triệu) đồng; Lần thứ 5: Vay vào ngày 15/02/2019 với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và lần thứ 6: Vay vào 22/3/2019 với số tiền 10.000.000(Mười triệu) đồng. Các lần vay này hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ, anh T trực tiếp đưa tiền cho chị C và cũng không có ai làm chứng.

Tổng cộng số tiền mà anh T đã cho chị C vay là 150.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay anh T đã nhiều lần yêu cầu chị C trả tiền nhưng chị C vẫn chưa trả cho anh T khoản tiền nào. Do đó, anh T có đơn khởi kiện yêu cầu chị C trả cho anh số tiền tổng cộng là 150.000.000(Một trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Khắc C trình bày:

Chị thừa nhận chị có vay của anh T số tiền tổng cộng là 50.000.000(Năm mươi triệu) đồng theo hai biên nhận vay tiền ngày 02/02/2017 và ngày 01/8/2017, vay không tính lãi, mục đích vay là để trả nợ ngân hàng. Chị cũng thừa nhận biên nhận vay tiền ngày 02/02/2017 và biên nhận vay tiền ngày 01/8/2017 là do chị viết và ký tên. Tuy nhiên, đối với số tiền vay 50.000.000đồng này thì chị đã trả xong hết cho anh T, khi trả là chị trực tiếp đưa tiền cho anh T vì tin tưởng nên chị không có làm giấy tờ và cũng không lấy lại hai biên nhận vay tiền. Đối với số tiền 100.000.000(Một trăm triệu) đồng của 04 lần vay tiền sau thì chị hoàn toàn không có vay của anh T. Hiện tại, chị không có nợ anh T số tiền nào cả. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa:

Anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị C về việc yêu cầu chị C trả số tiền là 100.000.000 đồng của 04 khoản vay sau. Anh chỉ yêu cầu chị C trả cho anh T số

tiền 50.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 02/02/2017 và ngày 01/8/2017 và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị C không đồng ý yêu cầu của anh T vì cho rằng chị đã trả hết nợ cho anh T và hiện tại chị không có nợ anh T khoản tiền nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị C về việc yêu cầu chị C phải trả số tiền 100.000.000 đồng của 04 khoản vay vào các ngày 09/3/2018, 22/3/2018, 15/02/2019 và 22/3/2019.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị C có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 50.000.000 đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Trương Văn T đối với chị Bùi Khắc C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Bùi Khắc C có nơi cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Anh T khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền vay tổng cộng là 150.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh T là biên nhận vay tiền ngày 02/02/2017 và biên nhận vay tiền ngày 01/8/2017. Chị C không đồng ý yêu cầu của anh T vì chị không có nợ tiền như anh T trình bày.

[2.1] Xét về yêu cầu chị C trả số tiền nợ tổng cộng là 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/02/2017 và biên nhận ngày 01/8/2017 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào biên nhận ngày 02/02/2017, biên nhận ngày 01/8/2017

và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị C đều thừa nhận là chị có vay của anh T với số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng theo hai biên nhận nêu trên. Đồng thời, chị C cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận 02/02/2017 và biên nhận ngày 01/8/2017 là của do chị viết và ký tên. Do đó, sự thừa nhận của chị C về việc chị có vay của anh T số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại khoản Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét về lời trình bày của chị C: Chị C cho rằng chị đã trả hết số nợ 50.000.000 đồng theo hai biên nhận vay tiền ngày 02/02/2017 và ngày 01/8/2017 cho anh T. Tuy nhiên, do quen biết và tin tưởng lẫn nhau nên khi trả tiền thì chị C trực tiếp đưa tiền cho anh T chứ hai bên không có làm giấy tờ, không có người làm chứng và chị cũng không yêu cầu anh T đưa lại chị hai biên nhận nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo để yêu cầu chị C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chị đã trả hết số nợ 50.000.000 đồng cho anh T nhưng chị vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Mặt khác, anh T cho rằng anh không có nhận bất kỳ khoản tiền nào từ chị C cũng như số tiền 50.000.000 đồng mà chị C đã trình bày. Do đó, lời trình bày của chị C là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Xét về yêu cầu chị C trả số tiền nợ còn lại tổng cộng là 100.000.000 đồng của 04 khoản vay vào các ngày 09/3/2018, 22/3/2018, 15/02/2019 và 22/3/2019 thì: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh T tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng của 04 khoản vay vào các ngày 09/3/2018, 22/3/2018, 15/02/2019 và 22/3/2019. Xét thấy, đây là yêu cầu tự nguyện của anh T và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu chị C trả số tiền vay tổng cộng là 100.000.000 đồng của 04 khoản vay vào các ngày 09/3/2018, 22/3/2018, 15/02/2019 và 22/3/2019.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận buộc chị C phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 50.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $50.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện nên anh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004764 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn T đối với bị đơn chị Bùi Khắc C về việc yêu cầu chị C trả số tiền vay tổng cộng là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn T đối với bị đơn chị Bùi Khắc C.

Buộc chị Bùi Khắc C có nghĩa vụ trả cho anh Trương Văn T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh Trương Văn T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh T nếu chị C chưa trả số tiền trên thì hàng tháng chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[3] Về án phí:

Chị Bùi Khắc C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại anh Trương Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004764 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Vũ Phan Thị Thu Thảo

Võ Ngọc Cẩm Sơn